

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tuấn.

2. Ông Nguyễn Thanh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: 125/1 đường H, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bà T có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T2, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: 125/1 đường H, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là bà Hồ Thị T1 trình bày:

Bà và ông Huỳnh Minh T2 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 02-10-2018.

Trong thời gian chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong mọi việc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Minh T2.

Bà và ông Huỳnh Minh T2 không có con chung và hiện tại bà không có thai.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Huỳnh Minh T2. Tuy nhiên, ông Huỳnh Minh T2 không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Huỳnh Minh T2 không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Bà Hồ Thị T1 làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Minh T2; về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của bà Hồ Thị T1 đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Minh T2 cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 30-6-2022, bà Hồ Thị T1 không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn là ông Huỳnh Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông Huỳnh Minh T2 tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Hồ Thị T1 và ông Huỳnh Minh T2 đăng ký kết hôn ngày 02-10-2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Minh T2 đã được Tòa

án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để ông Huỳnh Minh T2 tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc bà Hồ Thị T1 yêu cầu ly hôn nhưng ông Huỳnh Minh T2 đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà Hồ Thị T1 về việc ly hôn ông Huỳnh Minh T2 là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Bà Hồ Thị T1 và ông Huỳnh Minh T2 không có con chung và hiện tại bà Hồ Thị T1 không có thai.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Hồ Thị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hồ Thị T1 là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T1.

Bà Hồ Thị T1 ly hôn ông Huỳnh Minh T2.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001973 ngày 01-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Hồ Thị T1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Hồ Thị T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 26-9-2022. Ông Huỳnh Minh T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
 - Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
 - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
 - Các đương sự;
 - UBND phường T, thành phố P
- (GCNKH số 68, ngày 02-10-2018);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền